

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **289/2021/DS-ST**

Ngày: 30-12-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Cẩm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên

2. Ông Trần Hữu Ngôn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Quách Minh Tuyên – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:** Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 512/2020/TLST-DS ngày 10/11/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/2021/QĐXXST-DS ngày 11/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 237/2021/QĐST-DS ngày 08/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S**

Trụ sở: 266-268 N, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D**, sinh năm: 1973

Bà Nguyễn Đức Thạch D ủy quyền cho: Ông **Lê Nguyễn Tiến T** – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh T – S. (Giấy ủy quyền lập ngày 28/12/2020)

Ông Lê Nguyễn Tiến T ủy quyền lại cho: Ông **Ma Khánh C**, sinh năm: 1984; Địa chỉ: 266-268 N, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền lập ngày 04/01/2021) (Ông C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Xuân H**, sinh năm: 1988; Địa chỉ: C2/9B ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện ngày 20/10/2020; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có người đại diện theo ủy quyền là ông Ma Khánh C trình bày:**

Ngày 04/5/2017, bà Nguyễn Thị Xuân H có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Hương, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Hương đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 731.846.099 đồng (chưa bao gồm phí và lãi phát sinh). Trong quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Hương đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 711.396.020 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Việc thanh toán sẽ áp dụng theo thứ tự như sau:

- Các khoản phí và/hoặc lãi của tháng trước.
- Giao dịch rút tiền mặt của tháng trước.
- Các khoản phí và/hoặc lãi trong tháng.
- Giao dịch rút tiền mặt trong tháng.
- Giao dịch mua hàng hóa trong tháng.

Theo bảng tóm tắt sao kê của bà Hương từ ngày 31/5/2020 đến ngày 30/8/2020 đang được tính là trong hạn, từ kỳ 31/8/2020 thì Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang thành nợ quá hạn.

- Kỳ 31/5/2020 phát sinh phí trễ hạn với lý do khách hàng không thanh toán kỳ 30/4/2020 ít nhất với số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn; lãi phải thanh toán được tính từ ngày khách hàng giao dịch trên số dư nợ đã giao dịch;

- Kỳ 30/6/2020 phát sinh phí trễ hạn với lý do khách hàng không thanh toán kỳ 31/5/2020 ít nhất với số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn, phí vượt hạn mức được tính trên số dư vượt hạn mức được cấp. Như vậy, kỳ 31/6/2020 được tính như sau: số dư nợ đầu kỳ cộng (+) phí trễ hạn, lãi = số dư vượt hạn mức, nên sẽ có phí vượt hạn mức (với hạn mức được cấp của khách hàng 30.000.000 đồng);

- Kỳ 31/7/2020 khách hàng không thanh toán nên phía Ngân hàng vẫn tiếp tục tính phí trễ hạn, lãi, phí vượt hạn mức;

- Kỳ 31/8/2020 khách hàng không thanh toán nên phía Ngân hàng vẫn tiếp tục tính phí trễ hạn, lãi, phí vượt hạn mức;

Như vậy tính đến ngày 31/8/2020 số tiền tổng lại dư nợ của bà Hương là 33.782.455 đồng.

Theo quy định tại Điều 1 bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng cũng như theo Điều 13 của Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN và sửa đổi bổ sung Thông tư số 19/2016/TT-NHNN theo Thông tư số 17/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 thì tổng dư nợ còn lại 33.782.455 đồng tính đến ngày 31/8/2020 sẽ được chuyển toàn bộ sang nợ quá hạn.

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng của bà Hương được tính lãi theo Điều 22, Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng thì lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn là 3,9%/tháng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Hương, yêu cầu bà Hương có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà Hương trả nợ, tuy nhiên bà Hương vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết đối với bà Hương như sau:

- Buộc bà Hương phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 33.782.455 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 30/12/2021 là 21.343.662 đồng, tổng cộng là 55.126.117 đồng.

- Bà Hương có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 31/12/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí: Bà Nguyễn Thị Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân H. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận “Bà Nguyễn Thị Xuân H, SN 1988 có đăng ký thường trú tại C2/9B ấp A, xã T, huyện B, TP HCM. Thực tế căn nhà C2/9B ấp A, xã T, huyện B đã bán cho người khác, hiện bà H không còn cư trú, sinh sống tại địa phương, đi đâu không rõ”. Tuy nhiên, đây cũng là địa chỉ mà đương sự cung cấp cho bên ngân hàng và ghi trên hợp đồng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Đối với nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Ma Khánh C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bà Nguyễn Thị Xuân H nhưng bà H vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch giữa các đương sự xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân H thanh toán toàn bộ số nợ gốc, lãi quá hạn tính từ ngày 31/8/2020 đến ngày 30/12/2021 là 55.126.117 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ ngày 31/12/2021 đến khi bà H hoàn tất nghĩa vụ nợ tại ngân hàng.

[6] Còn bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân H, mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bà H vẫn vắng mặt. Vì vậy, bà H đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện cũng như tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[7] Qua xem xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân ngày 04/5/2017 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Nguyễn Thị Xuân H là phù hợp theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Bản tóm tắt sao kê, lịch sử thanh toán và lời khai của nguyên đơn có cơ sở xác định tính đến ngày 30/12/2021 bị đơn còn nợ nguyên đơn nợ gốc còn lại là 33.782.455 đồng và lãi quá hạn là 21.343.662 đồng, tổng cộng là 55.126.117 đồng.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301103908 thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là tổ chức tín dụng, vì vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

Việc bị đơn ngưng trả tiền theo thỏa thuận cho nguyên đơn là đã vi phạm điều khoản thanh toán của của hợp đồng tín dụng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân H trả số tiền gốc và lãi nêu trên là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Do đó, từ những căn cứ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân H, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân H có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số nợ gốc là 33.782.455 đồng và lãi quá hạn của hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 30/12/2021 là 21.343.662 đồng, tổng cộng số tiền bà H phải thanh toán tính đến ngày 30/12/2021 là 55.126.117 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 31/12/2021 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 04/5/2017.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.756.305 đồng; nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[11] Xét lời đề nghị của đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 92, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Xuân H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 30/12/2021 là 55.126.117 đồng (Năm mươi lăm triệu một trăm hai mươi sáu nghìn một trăm mười bảy đồng).

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 31/12/2021, bà Nguyễn Thị Xuân H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp

trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.756.305 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm lẻ năm đồng).

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 869.814 đồng (Tám trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm mười bốn đồng) theo Biên lai thu số AA/2019/0080342 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Trần Thị Hồng Cẩm**

2AAKKAK\*φαεχαφ+